

Số: 11/QĐ-HĐQL

Tuyên Quang, ngày 16 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế Quản lý hoạt động ủy thác và nhận ủy thác của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tuyên Quang

HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

Căn cứ Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Thông tư số 86/2021/TT-BTC ngày 06/10/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc thành lập Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 555/QĐ-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 04/QĐ-HĐQL ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tuyên Quang ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tuyên Quang;

Xét đề nghị của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tuyên Quang tại Tờ trình số 21/TTr-QĐTPT ngày 13 tháng 12 năm 2021 về việc đề nghị ban hành các quy chế hoạt động, quy chế nghiệp vụ của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tuyên Quang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Quản lý hoạt động ủy thác và nhận ủy thác của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 09/2014/QĐ-HĐQL ngày 20/6/2014 của Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tuyên Quang về việc ban hành Quy chế ủy thác và nhận ủy thác của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tuyên Quang.

Điều 3: Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành Quỹ Đầu tư phát triển và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh; (Báo cáo)
- Chủ tịch và các TV HĐQL Quỹ;
- Quỹ ĐTPT tỉnh;
- Như Điều 3: Thi hành;
- Các phòng, ban thuộc Quỹ;
- Lưu Văn thư. (15 bản).

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ
CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Nguyễn Mạnh Tuấn**

QUY CHẾ
QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ỦY THÁC VÀ NHẬN ỦY THÁC CỦA
QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH TUYÊN QUANG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 11/QĐ-HĐQL ngày 16 tháng 12 năm 2021
của Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tuyên Quang)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định hoạt động uỷ thác và nhận uỷ thác của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tuyên Quang (sau đây gọi tắt là Quỹ) phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quỹ, các tổ chức, cá nhân tham gia uỷ thác và nhận uỷ thác với Quỹ, các tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Ủy thác: Là việc Quỹ ủy thác cho các tổ chức tín dụng và ngân hàng chính sách thực hoạt động nghiệp vụ của Quỹ theo hợp đồng ủy thác kỹ giữa các bên.

2. Nhận uỷ thác: Là việc Quỹ nhận uỷ thác quản lý nguồn vốn đầu tư; cho vay và thu hồi nợ; cấp phát vốn đầu tư cho các công trình, dự án từ ngân sách nhà nước, từ các ngân hàng chính sách, từ các doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; nhận uỷ thác quản lý nguồn vốn, hoạt động của các quỹ tài chính nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập.

3. Chủ đầu tư: Là đơn vị có dự án, phương án đầu tư theo quy định của pháp luật.

4. Hợp đồng uỷ thác: Là thoả thuận bằng văn bản được ký giữa bên uỷ thác và bên nhận uỷ thác.

5. Vốn uỷ thác: Là khoản tiền mà bên uỷ thác giao cho bên nhận uỷ thác để thực hiện nội dung uỷ thác theo Hợp đồng uỷ thác.

6. Phí uỷ thác: Là khoản tiền mà bên uỷ thác trả cho bên nhận uỷ thác để thực hiện nội dung uỷ thác được quy định tại hợp đồng uỷ thác, phù hợp với quy định của pháp luật.

7. Thời hạn uỷ thác: Là khoảng thời gian tính từ thời điểm bên nhận uỷ thác bắt đầu thực hiện nội dung uỷ thác cho đến thời điểm hoàn thành nội dung uỷ thác, được quy định tại Hợp đồng uỷ thác.

Điều 3. Nguồn vốn uỷ thác và nhận uỷ thác

1. Nguồn vốn uỷ thác: Là nguồn vốn hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển để thực hiện hoạt động uỷ thác.

2. Nguồn vốn nhận uỷ thác bao gồm:

- Nguồn vốn từ các Quỹ tài chính nhà nước tại địa phương do Uỷ ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập.

- Các nguồn vốn hợp pháp khác của các tổ chức hoặc cá nhân trong và ngoài nước.

Điều 4. Cơ chế quản lý vốn uỷ thác và nhận uỷ thác

1. Đối với vốn ngân sách và vốn có nguồn gốc từ ngân sách:

a. Việc quản lý, cấp phát, thanh toán được thực hiện theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính về quản lý thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư và xây dựng thuộc nguồn vốn Ngân sách Nhà nước.

b. Việc cho vay đầu tư và thu hồi nợ: Quỹ quản lý cho vay theo các điều khoản thoả thuận quy định trong hợp đồng uỷ thác và hợp đồng cho vay vốn đầu tư phù hợp với các quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

c. Việc quản lý hoạt động của các Quỹ tài chính nhà nước tại địa phương được thực hiện theo quy chế hoạt động của các Quỹ tài chính nhà nước và hợp đồng uỷ thác đã ký kết.

2. Đối với vốn đầu tư hợp pháp khác của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước: Quỹ quản lý, thanh toán, cho vay theo thoả thuận trong Hợp đồng uỷ thác và các quy định tại Quy chế này.

Điều 5. Nguyên tắc uỷ thác và nhận uỷ thác

1. Việc uỷ thác và nhận uỷ thác phải thực hiện thông qua hợp đồng uỷ thác hoặc văn bản uỷ thác (*gọi chung là hợp đồng uỷ thác*), theo đúng các thoả thuận đã ký kết, đồng thời phải tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Việc nhận uỷ thác của Quỹ thực hiện theo quyết định của Uỷ ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang hoặc hợp đồng nhận uỷ thác giữa Quỹ với tổ chức, cá nhân uỷ thác.

3. Quỹ có trách nhiệm hạch toán tách bạch vốn nhận uỷ thác và tài sản hình thành từ vốn nhận uỷ thác (nếu có) với nguồn vốn hoạt động và tài sản của Quỹ. Hoạt động nhận uỷ thác của Quỹ phải đảm bảo không ảnh hưởng đến các hoạt động khác theo chức năng, nhiệm vụ của Quỹ.

4. Bên nhận uỷ thác không được uỷ thác cho bên thứ ba, không được sử dụng vốn uỷ thác trái mục đích, nội dung uỷ thác quy định tại Hợp đồng uỷ thác.

5. Quỹ được hưởng phí nhận uỷ thác và trả phí uỷ thác theo thoả thuận ghi trong hợp đồng uỷ thác.

Điều 6. Tiếp nhận, chuyển vốn uỷ thác

1. Sau khi ký kết hợp đồng, bên uỷ thác thực hiện chuyển vốn theo thoả thuận tại hợp đồng uỷ thác đã ký.

2. Trong trường hợp đơn vị uỷ thác chuyển vốn uỷ thác cho Quỹ chậm làm ảnh hưởng đến thời gian thanh toán, cho vay vốn nhận uỷ thác sẽ do đơn vị uỷ thác chịu trách nhiệm.

3. Quỹ được xem xét, quyết định việc uỷ thác cho vay, thu hồi nợ và việc nhận hoặc từ chối nhận uỷ thác quản lý vốn đầu tư, hoạt động của các Quỹ tài chính nhà nước tại địa phương theo đề nghị của đơn vị uỷ thác, trừ trường hợp thực hiện theo yêu cầu của UBND tỉnh.

Trường hợp từ chối nhận uỷ thác: Quỹ có văn bản thông báo nêu rõ lý do cho đơn vị uỷ thác biết.

Trường hợp nhận uỷ thác: Quỹ tiếp nhận hồ sơ, thoả thuận với đơn vị uỷ thác về nội dung hợp đồng uỷ thác và trực tiếp ký kết hợp đồng với đơn vị uỷ thác.

Điều 7. Hợp đồng uỷ thác và nhận uỷ thác; phí uỷ thác

1. Hợp đồng uỷ thác do bên uỷ thác và bên nhận uỷ thác thoả thuận bao gồm các nội dung cơ bản sau:

a. Tên, địa chỉ, tư cách pháp nhân, người đại diện pháp luật của bên uỷ thác và bên nhận uỷ thác;

b. Mục đích uỷ thác, nội dung uỷ thác.

c. Số vốn uỷ thác; thời hạn uỷ thác; phí uỷ thác.

d. Đối tượng thụ hưởng; trách nhiệm thẩm định và giám sát hoạt động uỷ thác; trách nhiệm xử lý rủi ro của bên uỷ thác.

đ. Quyền và nghĩa vụ của các bên; xử lý các trường hợp chấm dứt hợp đồng uỷ thác trước thời hạn; xử lý vi phạm hợp đồng (nếu có).

e. Các nội dung khác do các bên thoả thuận phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Quy định tài liệu ký hợp đồng uỷ thác:

a) Văn bản đề nghị của đơn vị uỷ thác (*Bản chính*);

b) Quyết định thành lập đơn vị; Quyết định phê duyệt điều lệ, tổ chức hoạt động của đơn vị; giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*nếu đơn vị là doanh nghiệp*) (*Bản sao có chứng thực từ bản chính*);

c) Quyết định giao nhiệm vụ (hoặc giấy ủy quyền) làm đại diện Đơn vị uỷ thác của Đơn vị uỷ thác (*trường hợp ký hợp đồng theo ủy quyền*) (*Bản chính*);

d) Các tài liệu khác liên quan đến chương trình, dự án được ủy thác (*Bản chính hoặc bản sao có chứng thực từ bản chính*).

3. Phí uỷ thác:

a. Quỹ được hưởng phí dịch vụ uỷ thác: Mức phí cụ thể được thoả thuận và ghi trong hợp đồng nhận uỷ thác.

b. Quỹ phải trả cho các tổ chức nhận uỷ thác phí dịch vụ uỷ thác: Mức phí cụ thể được thoả thuận và ghi trong hợp đồng nhận uỷ thác.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của bên uỷ thác

1. Bên uỷ thác có các quyền sau:

a. Yêu cầu bên nhận uỷ thác cung cấp hồ sơ, tài liệu chứng minh bên nhận uỷ thác được phép thực hiện hoạt động uỷ thác, nhận uỷ thác theo quy định của pháp luật;

b. Yêu cầu bên nhận uỷ thác báo cáo, cung cấp tài liệu, thông tin về tình hình, kết quả thực hiện Hợp đồng uỷ thác;

c. Giám sát, kiểm tra bên nhận uỷ thác thực hiện theo đúng nội dung, phạm vi được uỷ thác theo quy định;

d. Có quyền quyết định cho vay, các biện pháp và hình thức xử lý nợ vay, chịu trách nhiệm về tính hiệu quả và khả năng thu hồi nợ vay đối với các dự án uỷ thác cho Quỹ quản lý, cho vay vốn đầu tư;

đ. Có quyền từ chối yêu cầu của bên nhận uỷ thác nếu yêu cầu đó không đúng với nội dung thoả thuận trong hợp đồng uỷ thác;

e. Các quyền khác theo quy định tại hợp đồng uỷ thác, phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Bên uỷ thác có các nghĩa vụ sau:

a. Chuyển vốn uỷ thác cho bên nhận uỷ thác theo tiến độ thực hiện, nội dung uỷ thác theo quy định;

b. Cung cấp cho bên nhận uỷ thác các thông tin, tài liệu có liên quan đến hợp đồng uỷ thác theo quy định;

c. Thanh toán phí cho bên nhận uỷ thác theo quy định tại hợp đồng uỷ thác;

d. Có trách nhiệm phối hợp với bên nhận uỷ thác kiểm tra, xử lý những vướng mắc trong việc triển khai thực hiện Hợp đồng uỷ thác. Hướng dẫn các đơn vị sử dụng vốn uỷ thác thực hiện theo đúng cơ chế, chính sách của Nhà nước và quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

đ. Các nghĩa vụ khác theo quy định tại hợp đồng uỷ thác phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của bên nhận uỷ thác

1. Bên nhận uỷ thác có các quyền sau:

a. Có quyền từ chối yêu cầu của bên uỷ thác không có liên quan đến nội dung uỷ thác được quy định tại Hợp đồng uỷ thác hoặc không đúng quy định hiện hành của pháp luật;

b. Được nhận phí uỷ thác theo quy định tại Hợp đồng uỷ thác;

c. Yêu cầu bên uỷ thác cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến uỷ thác theo quy định;

d. Các quyền khác theo quy định tại Hợp đồng uỷ thác phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Bên nhận uỷ thác có các nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện đúng nội dung, phạm vi uỷ thác theo quy định tại Hợp đồng uỷ thác;

b. Thực hiện việc kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn uỷ thác theo quy định;

c. Thông báo kịp thời đầy đủ cho bên uỷ thác về tình hình thực hiện nội dung uỷ thác;

d. Chuyển trả cho bên uỷ thác tất cả lợi ích hợp pháp, các hồ sơ giấy tờ có liên quan theo quy định;

đ. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng uỷ thác.

Điều 10. Quy trình uỷ thác và nhận uỷ thác

Giao Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển ban hành Quy trình uỷ thác và nhận uỷ thác để tổ chức thực hiện đảm bảo phù hợp theo quy định của pháp luật và quy định tại Quy chế này.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1. ỦY THÁC

Điều 11. Đối tượng nhận uỷ thác hoạt động cho vay, đầu tư của Quỹ

Quỹ được uỷ thác cho các tổ chức tín dụng và Ngân hàng chính sách thực hiện hoạt động cho vay, đầu tư của Quỹ.

Điều 12. Nội dung uỷ thác

1. Quỹ uỷ thác cho các tổ chức quy định tại Điều 11 Quy chế này thực hiện hoạt động cho vay, đầu tư đối với Chủ đầu tư có dự án thuộc đối tượng cho vay, đầu tư của Quỹ theo quy định hiện hành.

2. Nội dung uỷ thác được thỏa thuận cụ thể trong Hợp đồng uỷ thác do Quỹ ký kết với đơn vị nhận uỷ thác và được quy định tại Điều 7 Quy chế này.

3. Việc Quỹ uỷ thác cho bên nhận uỷ thác để thực hiện cho vay, đầu tư phải tuân thủ các Quy chế, quy trình của Quỹ và phải được quy định cụ thể tại Hợp đồng uỷ thác.

Điều 13. Thẩm quyền quyết định uỷ thác

1. Đối với hoạt động uỷ thác cho vay: Thẩm quyền quyết định thực hiện theo Điều 11 Quy chế cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tuyên Quang.

2. Đối với hoạt động uỷ thác đầu tư: Thẩm quyền quyết định thực hiện theo Điều 10 Quy chế quản lý các khoản đầu tư theo hình thức hợp đồng, thực hiện dự án đầu tư của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tuyên Quang.

Mục 2. NHẬN ỦY THÁC

Điều 14. Đối tượng nhận uỷ thác:

1. Quỹ được nhận uỷ thác quản lý nguồn vốn đầu tư; cho vay và thu hồi nợ; cấp phát vốn đầu tư cho các công trình, dự án từ ngân sách Nhà nước, từ ngân hàng chính sách, từ các doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; nhận uỷ thác quản lý nguồn vốn, hoạt động của các Quỹ tài chính nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập.

2. Việc nhận uỷ thác của Quỹ thực hiện theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc hợp đồng uỷ thác ký kết giữa Quỹ với tổ chức, cá nhân uỷ thác.

Điều 15. Thẩm quyền quyết định nhận uỷ thác

1. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định việc Quỹ nhận uỷ thác từ các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

2. UBND tỉnh giao nhiệm vụ hoặc uỷ quyền cho Quỹ nhận uỷ thác các nội dung khác quy định tại Điều 13 Quy chế này.

Điều 16. Nhận uỷ thác quản lý, cấp phát, thanh toán vốn đầu tư

1. Tiếp nhận hồ sơ thanh toán vốn đầu tư nhận uỷ thác

a. Hồ sơ thanh toán vốn đầu tư uỷ thác phải đảm bảo đầy đủ theo quy định của Nhà nước đối với từng loại vốn đầu tư uỷ thác và quy định của hợp đồng uỷ thác. Quỹ có trách nhiệm kiểm tra sự đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ của từng loại hồ sơ, tài liệu và yêu cầu chủ đầu tư bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với trình tự, thủ tục theo quy định.

b. Các tài liệu hồ sơ thanh toán vốn đầu tư uỷ thác Chủ đầu tư gửi đến Quỹ phải là bản chính hoặc bản sao có chứng thực từ bản chính theo đúng quy định hiện hành.

c. Đối với tài liệu do Chủ đầu tư lập, chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tính pháp lý và tính chính xác của các tài liệu đó.

2. Quy định chung về thanh toán

a. Chủ đầu tư hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của giá trị khối lượng đề nghị thanh toán, định mức, đơn giá, dự toán các loại công việc, chất lượng công trình. Quỹ không chịu trách nhiệm về các vấn đề này, Quỹ căn cứ vào hồ sơ thanh toán đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ và các điều khoản thanh toán được quy định trong hợp đồng nhận ủy thác để thực hiện thanh toán cho Chủ đầu tư theo đúng các điều, khoản đã ký kết.

b. Số vốn thanh toán cho từng công việc, hạng mục công trình, công trình không được vượt dự toán được duyệt, hoặc giá gói thầu; số vốn thanh toán trong năm (*bao gồm cả tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành*) không được vượt kế hoạch vốn cả năm bố trí cho dự án; tổng số vốn thanh toán cho dự án không được vượt tổng mức đầu tư của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c. Trường hợp vốn tạm ứng chưa được thu hồi hết do dự án không được ghi tiếp kế hoạch hoặc đình chỉ thực hiện, Chủ đầu tư phải có văn bản thông báo với Quỹ, đồng thời báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét xử lý.

d. Trường hợp đã được tạm ứng vốn mà gói thầu không triển khai thực hiện theo đúng thời hạn quy định trong hợp đồng, Chủ đầu tư phải thông báo bằng văn bản cho Quỹ và có trách nhiệm hoàn trả số vốn đã tạm ứng.

đ. Việc tạm ứng vốn được thực hiện trong thời hạn thanh toán của kế hoạch vốn và có thể tạm ứng một hoặc nhiều lần căn cứ vào nhu cầu thanh toán vốn tạm ứng nhưng không vượt mức vốn tạm ứng theo quy định đối với từng loại hợp đồng.

e. Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư được lập theo mẫu do Giám đốc Quỹ quy định và được sử dụng trong các lần tạm ứng, thanh toán khối lượng hoàn thành theo đề nghị của Chủ đầu tư.

g. Trình tự, thủ tục thanh toán vốn đầu tư thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước (Hiện tại áp dụng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung, nếu có).

3. Tạm giữ tiền chờ phê duyệt quyết toán, tiền bảo hành công trình, bảo lãnh tạm ứng, bảo lãnh thực hiện hợp đồng

Quỹ thực hiện theo thỏa thuận trong hợp đồng ký giữa Chủ đầu tư và nhà thầu trên cơ sở đề nghị của Chủ đầu tư nhưng phải phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật.

4. Quyết toán thanh toán vốn đầu tư ủy thác, thanh lý Hợp đồng ủy thác quản lý thanh toán vốn đầu tư

a. Quỹ thực hiện đối chiếu với Chủ đầu tư về số liệu thanh toán vốn năm trước, đối chiếu mục đích sử dụng vốn của Chủ đầu tư với mục đích thanh toán vốn của Quỹ cho năm tiếp theo; giải trình, đề xuất và phối hợp với Chủ đầu tư xử lý số vốn chênh lệch và các nội dung khác (*nếu có*).

b. Khi dự án sử dụng vốn đầu tư ủy thác hoàn thành đưa vào khai thác, sử dụng:

- Chủ đầu tư có trách nhiệm lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định của Bộ Tài chính về hướng dẫn quyết toán vốn đầu tư và gửi quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư cho Quỹ. Sau 03 tháng kể từ khi có quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành của cấp có thẩm quyền, Chủ đầu tư phải hoàn thành việc giải quyết công nợ và làm thủ tục tất toán tài khoản đầu tư của dự án (công trình) với Quỹ;

- Quỹ có trách nhiệm đối chiếu, xác nhận vốn đầu tư ủy thác đã thanh toán và đồng thời có nhận xét, kiến nghị với Đơn vị ủy thác và cơ quan thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư về quá trình đầu tư của dự án. Phối hợp với Chủ đầu tư xử lý các vấn đề về thanh toán vốn đầu tư ủy thác theo kết quả phê duyệt quyết toán của cấp có thẩm quyền, phối hợp với Chủ đầu tư, Đơn vị ủy thác giải quyết công nợ để hoàn thành việc thanh toán, tất toán tài khoản của các dự án được phê duyệt quyết toán.

- Trường hợp quyết toán đã được duyệt, nếu số vốn được quyết toán thấp hơn số vốn đã thanh toán cho dự án, Chủ đầu tư có trách nhiệm thu hồi lại của nhà thầu để hoàn trả cho Đơn vị ủy thác số vốn thanh toán thừa; nếu số vốn được quyết toán cao hơn số vốn đã thanh toán, Đơn vị ủy thác, Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán tiếp hoặc bố trí bổ sung vốn để Quỹ thanh toán tiếp cho nhà thầu theo thỏa thuận trong Hợp đồng ủy thác.

c. Thanh lý Hợp đồng ủy thác thanh toán vốn đầu tư: Việc thanh lý Hợp đồng ủy thác thanh toán vốn đầu tư thực hiện theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng ủy thác quản lý, thanh toán vốn đầu tư đã ký giữa Đơn vị ủy thác và Quỹ.

Điều 17. Nhận ủy thác nguồn vốn cho vay và thu hồi nợ

1. Trường hợp hợp đồng ủy thác có quy định cách thức tiếp nhận vốn, thẩm định, giải ngân, thu hồi nợ... thì thực hiện theo nội dung quy định tại hợp đồng nhận ủy thác.

2. Trường hợp hợp đồng ủy thác không quy định: Quỹ thỏa thuận và ký kết hợp đồng nhận ủy thác có các nội dung quy định về cách thức tiếp nhận vốn, thẩm định, giải ngân, thu hồi nợ... được vận dụng một phần (hoặc toàn bộ) các Quy chế, quy trình của Quỹ và quy định hiện hành của pháp luật liên quan.

Điều 18. Nhận ủy thác quản lý các hoạt động Quỹ tài chính nhà nước

1. Quỹ quản lý hoạt động của các Quỹ tài chính nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập theo hợp đồng nhận ủy thác hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ.

2. Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động, các quy chế và quy định (nếu có) của các Quỹ tài chính. Quỹ bố trí, phân công nhiệm vụ cho cán bộ trực thuộc Quỹ kiêm nhiệm thực hiện công tác quản lý, hoạt động chuyên môn nghiệp vụ đúng quy định, nhằm đảm bảo hiệu quả cao nhất.

Mục 3. BÁO CÁO, KIỂM TRA NGHIỆP VỤ ỦY THÁC, NHẬN ỦY THÁC VÀ PHÍ DỊCH VỤ

Điều 19. Báo cáo định kỳ

1. Báo cáo định kỳ: Trước ngày 10 của tháng đầu quý sau quý báo cáo, Bên nhận ủy thác báo cáo Đơn vị ủy thác tình hình thực hiện quản lý, thanh toán, cho vay vốn đầu tư ủy thác của quý trước kèm theo thuyết minh nhận xét đánh giá về các mặt được, mặt còn tồn tại và các nguyên nhân của tồn tại, đề xuất biện pháp xử lý tồn tại trong quá trình quản lý, thanh toán, cho vay vốn. Riêng báo cáo quý IV thay cho báo cáo năm.

2. Báo cáo đột xuất:

a) Bên nhận ủy thác thực hiện báo cáo đột xuất theo yêu cầu của bên ủy thác.

b) Quỹ thực hiện báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Hội đồng quản lý Quỹ và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

3. Trước ngày 10 tháng 01 của năm kế hoạch, Quỹ có trách nhiệm tổng hợp, đối chiếu số liệu nguồn vốn ủy thác, nhận ủy thác và phí ủy thác với bên nhận ủy thác, bên ủy thác; đối chiếu với chủ đầu tư về các khoản phát sinh còn quan hệ với Quỹ.

Điều 20. Kiểm tra

1. Bên nhận ủy thác chịu sự kiểm tra, kiểm soát của bên ủy thác đối với các hoạt động quy định tại hợp đồng ủy thác. Tùy theo tình hình cụ thể, việc kiểm tra, kiểm soát được thực hiện ở từng khâu hoặc tất cả các khâu của quá trình đầu tư, cho vay, hoàn trả vốn vay và quá trình quản lý hoạt động các Quỹ tài chính nhà nước, các lĩnh vực nhận ủy thác khác.

2. Quỹ tự tổ chức thực hiện kiểm tra nghiệp vụ quản lý, thanh toán, cho vay vốn đầu tư ủy thác và quản lý hoạt động nhận ủy thác. Thông qua công tác tự kiểm tra, nếu có tồn tại, sai sót phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện khắc phục kịp thời.

Điều 21. Phí dịch vụ

1. Quỹ được hưởng phí dịch vụ nhận ủy thác. Mức phí cụ thể được thỏa thuận và ghi trong hợp đồng nhận ủy thác.

2. Quỹ phải trả cho các tổ chức nhận ủy thác phí dịch vụ ủy thác. Mức phí cụ thể được thỏa thuận và ghi trong hợp đồng ủy thác.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quy chế ủy thác và nhận ủy thác của Quỹ ban hành kèm theo Quyết định số 09/2014/QĐ-HĐQL ngày 20/6/2014 của Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tuyên Quang.

2. Các thành viên Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.

3. Trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động ủy thác và nhận ủy thác nhưng chưa được quy định tại Quy chế này hoặc trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những quy định trong Quy chế này thì những quy định đó được áp dụng thực hiện.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có những nội dung cần sửa đổi, bổ sung Giám đốc Quỹ có trách nhiệm tổng hợp, trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định./.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ
CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Nguyễn Mạnh Tuấn